

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/DS-ST

Ngày: 29/8/2023

V/v : *Tranh chấp quyền sử
dụng đất.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU TỈNH SƠN LA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lương Tiến Hải

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Hà Ngọc Phương.

2. Ông Lò Văn Quốc.

- Thư ký phiên tòa : Bà Trần Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2023/TLST-DS ngày 12/6/2023 về tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 10/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lương Văn B**- Trưởng bản. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Cà Văn T**- Trưởng bản. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông Cà Văn T- Chủ tịch UBND xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lò Văn T- Phó Chủ tịch UBND xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2023 và tại các bản tự khai, các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La do ông Lương Văn B-Trưởng bản là người đại diện trình bày:

Ngày 23/01/2003 Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La được Chủ tịch UBND huyện Thuận Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W555788 được quyền sử dụng đất 3233780.0 m² theo Quyết định số: 64/QĐ-UBND

ngày 23/01/2003 của UBND huyện Thuận Châu về giao đất lâm nghiệp. Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La sử dụng ổn định từ năm 1999 đến ngày 15/3/2020 thì phát sinh tranh chấp, Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã lấn chiếm là 2.469m² thuộc Lô c, khoảnh 6, TK 247a, loại đất BV-PH tại khu vực N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La cho rằng là đất của cha ông họ để lại. Cộng đồng bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La yêu cầu bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La trả lại phần diện tích tranh chấp. Giữa cộng đồng dân cư hai bản đã được UBND xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La hòa giải nhiều lần nhưng không thành và tại biên bản hòa giải Chủ tịch UBND xã C đã kết luận yêu cầu Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La trả lại phần diện tích đã lấn chiếm là 2.469m² tại khu vực N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vì vậy Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La khởi kiện yêu cầu Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La trả lại phần diện tích đã lấn chiếm là 2.469m² tại khu vực N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Tại các bản tự khai, các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La do ông Cà Văn T- Trưởng bản là người đại diện trình bày:

Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La có thửa đất ruộng với tổng diện tích khoảng 20.000 m² vị trí tại N, N1, N2 thuộc địa phận bản T do cha ông khai hoang từ năm 1916 để lại cho con cháu, đến năm 1999 thì cho bản N mượn canh tác với lý do trước đây cùng Hợp tác xã Mỏ Nhộp và hứa sẽ trả lại sau 19 năm. Đến năm 2019 bản T đòi lại thì bản N không trả cho rằng đất đã nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bản N do UBND huyện Thuận Châu cấp ngày 23/01/2003. Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La không nhất trí trả lại 2.469m² tại khu vực N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La do ông Lò Văn T- Phó Chủ tịch UBND xã là người đại diện trình bày: Ngày 23/01/2003 Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La được Chủ tịch UBND huyện Thuận Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số:64/QĐ-UBND ngày 23/01/2003 của UBND huyện Thuận Châu về giao đất lâm nghiệp thuộc Lô c, khoảnh 6, TK 247a, loại đất BV-PH. Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La sử dụng ổn định từ năm 1999 đến ngày 15/3/2020 thì phát sinh tranh chấp Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La cho rằng là đất của cha ông họ để lại. Cộng đồng dân cư hai bản đã được UBND xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La hòa giải nhiều lần nhưng không thành. UBND xã đã yêu cầu Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La trả lại phần diện tích đã lấn chiếm là 2.469m² tại khu vực N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La cho Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhưng Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La không nhất trí. Ngày 15/7/2020 UBND xã C đã ra Quyết định tạm đình chỉ số: 112b/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 yêu cầu hai bản không được canh tác trên phần đất đang tranh chấp. Nay Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu khởi kiện ra Tòa, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/6/2023 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ yêu cầu Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La cung cấp chứng cứ, chứng minh diện tích sử dụng đất lâm nghiệp là 2.469m² do cha ông khai hoang từ năm 1916 để lại cho con cháu, đến năm 1999 thì cho Bản N mượn canh tác và hứa sẽ trả lại sau 19 năm, UBND xã C tách cho bản T quản lý sử dụng. Tuy nhiên Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nêu trên.

Tại công văn số: 167/TNMT ngày 02/8/2023 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Thuận Châu có ý kiến: Thực hiện Công văn số 1322/UBND ngày 22/12/2010 của UBND huyện Thuận Châu về việc bàn giao hồ sơ địa chính từ Phòng tài nguyên và môi trường sang Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thuận Châu. Ngày 22/01/2011 đã tiến hành bàn giao toàn bộ hồ sơ địa chính cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thuận Châu (Nay là chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Thuận Châu) gồm: Hồ sơ địa chính các xã (Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ địa chính, sổ mục kê); Hồ sơ Chỉ thị 10; Hồ sơ cấp giấy chứng nhận sử dụng đất tại các xã, thị trấn; Bản đồ các xã thị trấn.

Tại công văn số: 201/CNVPĐĐ ngày 27/7/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Thuận Châu có ý kiến: Hiện tại tại kho lưu trữ không có hồ sơ địa chính đất lâm nghiệp của xã C, huyện Thuận Châu. Tại biên bản bàn giao ngày 22/01/2011 giữa Phòng tài nguyên và môi trường huyện Thuận Châu và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thuận Châu không có hồ sơ địa chính đất lâm nghiệp của xã C, huyện Thuận Châu.

Tại công văn số: 26/TNMT ngày 20/7/2023 của Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ huyện Thuận Châu có ý kiến: Lô c, khoảnh 6, TK 247a, loại đất BV-PH cấp cho Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La có tên trong: Sổ địa chính đất lâm nghiệp xã C quyền số 02, trang số 18, dòng 1; Sổ mục kê đất lâm nghiệp xã C quyền số 01 tại trang số 8 dòng 9; Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp xã C quyền số 01 trang 3, thứ tự 00027.

Tại công văn số: 36/CV-HKL ngày 28/7/2023 của Hạt kiểm lâm Thuận Châu có ý kiến: Hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W555788 do Chủ tịch UBND huyện Thuận Châu cấp cho Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu ngày 23/01/2003 được thực hiện theo Mục II.1, bước 6, phần thứ nhất trang 23 “*Hướng dẫn kỹ thuật giao đất, giao rừng tự nhiên áp dụng trên địa bàn tỉnh Sơn La*” ban hành kèm theo Quyết định số: 3010/2000/QĐ-UB ngày 12/12/2000 của UBND tỉnh Sơn La. Hồ sơ gồm có: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; Biên bản họp và xét duyệt của Ban chỉ đạo; Tờ trình của phòng địa chính có danh sách các hộ, nhóm hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo; Quyết định của UBND huyện về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ, nhóm hộ; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã viết đầy đủ nội dung theo quy định. Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu có tên trong Sổ địa chính; Sổ mục kê; Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không có trong sổ đăng ký biến

động đất đai. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo đúng quy định tại Quyết định số: 3010/2000/QĐ-UB ngày 12/12/2000 và Quyết định số: 3011/2000/QĐ-UB ngày 12/12/2000 của UBND tỉnh Sơn La.

Theo mục a, khoản 3, Điều 2 Quyết định số: 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách tăng cường quản lý bảo vệ rừng : Trách nhiệm của UBND xã, phường, thị trấn có rừng là quản lý diện tích, ranh giới các khu rừng, các hoạt động bảo vệ rừng trên địa bàn.

* Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/8/2023 vị trí thửa đất đang tranh chấp giữa Cộng đồng dân cư bản N và bản T xã C, huyện Thuận Châu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W555788 do Chủ tịch UBND huyện Thuận Châu cấp ngày 23/01/2003 thuộc Lô c, khoảnh 6, TK 247a (Theo bản đồ giao đất giao rừng năm 2002 của UBND xã C) xác định loại đất rừng phòng hộ. Địa danh: Khu N (tiếng địa phương). Diện tích tranh chấp: 2.469m². Hiện trạng thửa đất là một bãi đất trống ngập nước, không có tài sản trên đất và không canh tác gì.

* Tại biên bản định giá tài sản ngày 08/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu: Vị trí thửa đất đang tranh chấp giữa Cộng đồng dân cư bản N và bản T xã C, huyện Thuận Châu xác định giá trị đất rừng phòng hộ là: 2.469m² x7.000 đồng/m² = 17.283.000 đồng.

* Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08/8/2023 giữa các bên đương sự thống nhất: Diện tích tranh chấp: 2.469m². Hiện trạng thửa đất là một bãi đất trống ngập nước, không có tài sản trên đất và không canh tác gì.

* Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08/8/2023 giữa các bên đương sự đã không thống nhất:

Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu: Yêu cầu bản T, xã C, huyện Thuận Châu trả lại phần diện tích đã lấn chiếm là 2.469m² tại khu vực N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu: Không nhất trí trả lại diện tích 2.469m² tại khu vực N, xã C, huyện Thuận Châu là của bản T.

Tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác. Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối

quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho viện kiểm sát và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa : Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng :

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào khoản 9 điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 102, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 23, Điều 24, khoản 2 Điều 36; Điều 43, Luật đất đai 1993; khoản 3 Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La được quyền sử dụng đất diện tích tranh chấp : 2.469m² tại khu N (tiếng địa phương), xã C, huyện Thuận Châu nằm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W555788 do Chủ tịch UBND huyện Thuận Châu cấp ngày 23/01/2023 thuộc Lô c, khoảnh 6, TK 247a (Theo bản đồ giao đất giao rừng năm 2002 của UBND xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La) loại đất rừng phòng hộ.

- Về chi phí tố tụng: Buộc Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu phải trả toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu.

- Về án phí: Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

** Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:*
Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:** Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La khởi kiện yêu cầu Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La trả lại phần diện tích đã lấn chiếm là 2.469m² tại khu vực N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu nguyên đơn: Ngày 23/01/2003 nguyên đơn Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W555788 theo Quyết định số:64/QĐ-UBND ngày 23/01/2003 của UBND huyện Thuận Châu về giao đất lâm nghiệp thuộc Lô c, khoảnh 6, TK 247a, loại đất BV-PH, mục đích sử dụng là rừng bảo vệ phòng hộ, thời gian sử dụng đến tháng 01 năm 2053. Quá trình sử dụng Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La sử dụng ổn định từ năm 1999 đến ngày 15/3/2020 thì phát sinh tranh chấp Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La cho rằng là đất của cha ông họ để lại nhưng không có giấy tờ gì chứng minh.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp và Tòa án đã tiến hành xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản xác định: Diện tích 2.469m² đang tranh chấp là thửa 09 thuộc Lô c, khoảnh 6, TK 247a, loại đất BV-PH, thuộc khu N (tiếng địa phương), xã C, huyện Thuận Châu, hiện trạng thửa đất là một bãi đất trống ngập nước, không có tài sản trên đất và không canh tác gì. Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu xác định giá trị đất rừng phòng hộ là: 2.469m² x 7.000 đồng/m² = 17.283.000 đồng. Diện tích 2.469m² đang tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu ngày 23/01/2003. Hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số W555788 do Chủ tịch UBND huyện Thuận Châu cấp cho Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu ngày 23/01/2003 đang lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Thuận Châu. Hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu gồm có: Quyết định số: 3011/2000/QĐ-UB ngày 12/12/2000 của UBND tỉnh Sơn La về ban hành tạm thời chính sách và giải pháp giao đất lâm nghiệp và giao rừng tự nhiên của tỉnh; Quyết định số: 3010/2000/QĐ-UB ngày 12/12/2000 của UBND tỉnh Sơn La; Mục II.1, bước 6, phần thứ nhất trang 23 “*Hướng*

dẫn kỹ thuật giao đất, giao rừng tự nhiên áp dụng trên địa bàn tỉnh Sơn La” ban hành kèm theo Quyết định số: 3010/2000/QĐ-UB ngày 12/12/2000 của UBND tỉnh Sơn La; Quyết định số: 64/2003/QĐ-UB ngày 23/01/2003 của UBND huyện Thuận Châu về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ, cộng đồng dân cư đủ điều kiện theo đề nghị của UBND xã C, huyện Thuận Châu; Trích lục bản đồ giao đất lâm nghiệp -giao rừng (Kèm theo Quyết định số 64 Quyết định số: 64/2003/QĐ-UB ngày 23/01/2003 của UBND huyện Thuận Châu; Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; Biên bản họp và xét duyệt của Ban chỉ đạo; Tờ trình của phòng địa chính có danh sách các hộ, nhóm hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã viết đầy đủ nội dung theo quy định.

Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La có tên trong: Sổ địa chính đất lâm nghiệp xã C quyền số 02, trang số 18, dòng 1; Sổ mục kê đất lâm nghiệp xã C quyền số 01 tại trang số 8 dòng 9; Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp xã C quyền số 01 trang 3, thứ tự 00027. Trích lục bản đồ giao đất lâm nghiệp -giao rừng (Kèm theo Quyết định số 64 Quyết định số: 64/2003/QĐ-UB ngày 23/01/2003 của UBND huyện Thuận Châu; Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; Biên bản họp và xét duyệt của Ban chỉ đạo; Biên bản họp bản; Tờ trình của phòng địa chính có danh sách các hộ, nhóm hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo; Biên bản giao đất lâm nghiệp- giao rừng; Biểu trạng thái, diện tích lô đất lâm nghiệp đất rừng được giao; Không có trong sổ đăng ký biến động đất đai. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn: Bị đơn xác định thửa đất đang tranh chấp là thửa thuộc Lô c, khoảnh 6, TK 247a, loại đất BV-PH. (Theo bản đồ giao đất giao rừng năm 2002 của UBND xã C) xác định loại đất rừng phòng hộ. Địa danh: Khu N (tiếng địa phương). Diện tích tranh chấp: 2.469m². Hiện trạng thửa đất là một bãi đất trống ngập nước, không có tài sản trên đất và không canh tác gì. Tuy nhiên phía bị đơn cho rằng đất tranh chấp là do cha ông khai hoang từ năm 1916 để lại cho con cháu, đến năm 1999 thì cho Bản N mượn canh tác với lý do cùng Hợp tác xã Mỏ Nhộp và hứa sẽ trả lại sau 19 năm. Đến năm 2019 bản T đòi lại thì bản N không trả cho rằng đất đã nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bản N do UBND huyện Thuận Châu cấp ngày 23/01/2003. Do vậy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ yêu cầu Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La cung cấp chứng cứ, chứng minh diện tích sử dụng đất là của cộng đồng bản T, xã C, huyện Thuận Châu. Tuy nhiên bị đơn không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nêu trên. Ngoài lời trình bày của phía bị đơn, không còn chứng cứ nào khác chứng minh lời khai của phía bị đơn là có căn cứ. Từ sự phân tích trên, việc Cộng đồng bản T yêu cầu được quyền sử dụng đất diện tích đất tranh chấp này là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã C có cùng ý kiến quan điểm mà nguyên đơn đưa ra, đất tranh chấp Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La được Chủ tịch UBND huyện Thuận Châu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2.4]. Từ sự phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La được quyền sử dụng đất diện tích 2.469m² tại khu N (tiếng địa phương), xã C, huyện Thuận Châu căn cứ Điều 100, Điều 102 Luật đất đai năm 2013; Điều 23, Điều 24, khoản 2 Điều 36; Điều 43, Luật đất đai 1993.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 5.000.000 đồng nhưng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, buộc phải trả lại chi phí này cho nguyên đơn theo Điều 165, Điều 166, Điều 169 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận do vậy phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Nguyên đơn được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp vận dụng khoản 3 Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 9 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 100, Điều 102, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 23, Điều 24, khoản 2 Điều 36; Điều 43 Luật đất đai 1993.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La được quyền sử dụng đất diện tích 2.469m² tại khu N (tiếng địa phương), xã C, huyện

Thuận Châu, thửa 09, thuộc Lô c, khoảnh 6, TK 247a (Theo bản đồ giao đất giao rừng năm 2002 của UBND xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La) loại đất rừng phòng hộ nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W555788 do Chủ tịch UBND huyện Thuận Châu cấp ngày 23/01/2003.

Tứ cận như sau:

Phía Đông giáp ruộng lúa bản T.

Phía Tây và phía Nam giáp đường dân sinh bản T.

Phía Bắc giáp nương cà phê bản T.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu phải trả toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Cộng đồng dân cư bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Cộng đồng dân cư bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số AA/2021/0003299 ngày 12/6/2023.

4. Về quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiến Hải